

*Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2014*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
và cơ cấu tổ chức của Vụ Hợp tác quốc tế**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Vị trí và chức năng**

Vụ Hợp tác quốc tế là đơn vị thuộc Bộ Tài chính, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ hội nhập kinh tế quốc tế và hợp tác tài chính quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; quản lý các chương trình hợp tác, dự án của Bộ có sự tài trợ của nước ngoài; tổ chức thực hiện công tác đối ngoại của Bộ Tài chính.

**Điều 2. Nhiệm vụ**

1. Xây dựng chiến lược hội nhập và hợp tác quốc tế của Bộ Tài chính; chương trình hành động, kế hoạch triển khai nhiệm vụ về hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

2. Chủ trì, trình Bộ trưởng Bộ Tài chính dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật về hội nhập và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

3. Chủ trì, xây dựng phương án đàm phán và trình cấp có thẩm quyền ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính ký kết các điều ước, thỏa thuận quốc tế với các nước, các tổ chức quốc tế hoặc tham gia ý kiến với các Bộ, ngành trong quá trình đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế theo sự phân công của Chính phủ.

4. Chủ trì tổ chức đối thoại chính sách và cung cấp thông tin về chính sách tài chính của Việt Nam cho các nhà đầu tư nước ngoài trong khuôn khổ Hội nghị xúc tiến đầu tư của các Bộ trưởng Bộ Tài chính các nước ASEAN hoặc trong khuôn khổ hợp tác song phương theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Xây dựng quy chế phối hợp giữa các tổ chức, đơn vị của Bộ Tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế được giao.

6. Về hội nhập kinh tế quốc tế:

a) Chủ trì phối hợp với các tổ chức, đơn vị trong và ngoài Bộ xây dựng phương án đàm phán hội nhập kinh tế quốc tế của Bộ; tham gia ý kiến với các Bộ, ngành trong quá trình xây dựng phương án đàm phán theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Đại diện cho Bộ chủ trì hoặc tham gia đoàn đàm phán của Chính phủ hoặc đoàn đàm phán của các cơ quan khác với các đối tác nước ngoài trên cơ sở phương án đàm phán về hội nhập kinh tế quốc tế đã được phê duyệt và phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

c) Phối hợp với các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ triển khai các cam kết quốc tế thuộc lĩnh vực hội nhập quốc tế của Bộ Tài chính và giám sát việc tổ chức thực hiện của các đơn vị;

d) Chủ trì trình Bộ trưởng Bộ Tài chính dự thảo các văn bản hướng dẫn thực hiện các cam kết hội nhập trong khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do;

đ) Phối hợp với các tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai các biện pháp tự vệ trong khuôn khổ các thỏa thuận thương mại tự do theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

e) Chủ trì điều phối thực hiện nhiệm vụ giải trình chính sách trong khuôn khổ cam kết WTO và trong khuôn khổ đàm phán kinh tế thị trường của Việt Nam; tham gia phục vụ kháng kiện thương mại theo sự phân công của Bộ;

g) Quản lý thành viên của Bộ Tài chính tại cơ quan đại diện của Việt Nam bên cạnh tổ chức thương mại thế giới và các cơ quan, tổ chức quốc tế khác theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

## 7. Về hợp tác tài chính quốc tế:

a) Chủ trì phối hợp với các tổ chức, đơn vị có liên quan chuẩn bị phương án nội dung, thoả thuận, cam kết về hợp tác tài chính quốc tế của Bộ Tài chính;

b) Là đầu mối triển khai cơ chế giám sát kinh tế vĩ mô phục vụ nhiệm vụ hợp tác tài chính khu vực và quốc tế;

c) Đại diện cho Bộ Tài chính tổ chức hoặc tham gia các hoạt động hợp tác tài chính quốc tế trên cơ sở phương án nội dung, thoả thuận, cam kết đã được phê duyệt và theo phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

d) Chủ trì phối hợp với các tổ chức, đơn vị có liên quan lập kế hoạch, điều phối, theo dõi và báo cáo về việc triển khai các thoả thuận, cam kết về hợp tác tài chính quốc tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## 8. Về quản lý chương trình, dự án:

a) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị trong công tác vận động tài trợ nước ngoài cho các chương trình hợp tác và dự án;

b) Hỗ trợ các đơn vị liên quan trong quá trình hình thành, thiết kế, đàm phán, xây dựng văn kiện, thẩm định và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án sử dụng tài trợ nước ngoài;

c) Tổng hợp và trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt danh mục các chương trình, dự án sử dụng vốn tài trợ nước ngoài của Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án; đề xuất biện pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính hoàn thiện công tác quản lý các chương trình, dự án của Bộ;

đ) Chủ trì xây dựng báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện chương trình, dự án của Bộ Tài chính, trình Bộ trưởng phê duyệt để báo cáo cấp có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Chủ trì phân công các đơn vị làm việc với các chuyên gia hoặc đại diện của nhà tài trợ để chuẩn bị cho chương trình, dự án của Bộ; thực hiện các thủ tục về mặt pháp lý xác nhận về thời gian làm việc của chuyên gia nước ngoài, phối hợp với các bên có liên quan hỗ trợ chuyên gia trong các vấn đề liên quan đến xin cấp thị thực xuất nhập cảnh.

## 9. Về công tác đối ngoại:

a) Tổ chức triển khai kế hoạch hợp tác quốc tế của Bộ Tài chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Phối hợp với đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ của Bộ Tài chính trong khuôn khổ các Ủy ban liên Chính phủ theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

c) Điều phối, báo cáo Bộ phân công các đơn vị có giải pháp xử lý các vướng mắc, khiếu nại đối với ngành tài chính của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam và các tổ chức nước ngoài;

d) Phối hợp với các đơn vị chuẩn bị tài liệu để lãnh đạo Bộ làm việc với các đối tác nước ngoài;

đ) Tổ chức thực hiện công tác biên dịch, phiên dịch và công tác lễ tân, lễ tiết trong khuôn khổ các hoạt động đối ngoại của Bộ Tài chính; hỗ trợ các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các hoạt động đối ngoại;

e) Trực tiếp thực hiện hoặc hỗ trợ cán bộ, công chức của các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ (trừ các tổ chức được phân cấp về quản lý cán bộ) liên quan đến các thủ tục về hộ chiếu, thị thực xuất nhập cảnh;

g) Xử lý, quản lý, lưu trữ các văn bản đối ngoại đi và đến liên quan đến các hoạt động đối ngoại của Bộ.

10. Chủ trì hoặc phối hợp với các tổ chức, đơn vị trong và ngoài Bộ tổ chức công tác tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin về nhiệm vụ hội nhập và hợp tác quốc tế thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của Bộ.

12. Tổ chức nghiên cứu khoa học hoặc hợp tác nghiên cứu khoa học với các đơn vị trong và ngoài ngành theo kế hoạch và nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

13. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính giao và theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

Vụ Hợp tác quốc tế có Vụ trưởng và một số Phó Vụ trưởng.

Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính về toàn bộ hoạt động của Vụ; quản lý công chức, tài sản được giao theo quy định.

Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm trước Vụ trưởng về nhiệm vụ được phân công.

Vụ Hợp tác quốc tế có các phòng:

1. Phòng Hội nhập kinh tế quốc tế.
2. Phòng Hợp tác tài chính quốc tế.
3. Phòng Quản lý Chương trình - Dự án.
4. Phòng Đối ngoại.

Nhiệm vụ cụ thể của các phòng do Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế quy định.

Vụ Hợp tác quốc tế làm việc theo tổ chức phòng kết hợp với chế độ chuyên viên. Đối với công việc thực hiện theo chế độ chuyên viên, Vụ trưởng phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức phù hợp với chức danh, tiêu chuẩn và năng lực chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Biên chế của Vụ Hợp tác quốc tế do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

#### **Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế**

1. Tổ chức, chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 2 Quyết định này.
2. Yêu cầu các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ cung cấp các thông tin, tài liệu, phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác tài chính quốc tế, quản lý chương trình, dự án và công tác đối ngoại của Bộ Tài chính.
3. Trực tiếp giao dịch hoặc ký các công văn giao dịch với các đối tác nước ngoài để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định.
4. Ký các văn bản hướng dẫn, giải thích, trả lời vướng mắc trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác quốc tế của Bộ Tài chính và các văn bản ký thừa lệnh, uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo quy chế làm việc của Bộ Tài chính.

## **Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2146/QĐ-BTC ngày 7/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Hợp tác quốc tế.

Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị thuộc Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

### **Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ;
- Như Điều 5;
- VP Đảng ủy, Công đoàn;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ TCCB. (80b)

**BỘ TRƯỞNG**



**Đình Tiên Dũng**